

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **1345/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 18-8-2022

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Hề.
2. Ông Nguyễn Thành Thông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4342/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vũ Thị N, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Căn hộ 19.11 chung cư A, số 8 Đường B, Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Trần Văn L, sinh năm 1981.

Địa chỉ: 71-7 X, Y, LV 1009, Latvia.

Địa chỉ liên lạc: Schillerpromenade Str. 3 12459 Berlin Gemany.

Các đương sự đã có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22/6/2021 và những lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Vũ Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện I, tỉnh M ngày 21/01/2009 và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 08, quyển số 01. Sau khi kết hôn, thời gian đầu chung sống hạnh phúc về sau thì phát sinh mâu thuẫn về quan điểm lối sống và cách nuôi dạy con cái. Từ tháng 03 năm 2019 đến nay, ông Trần Văn L sinh sống và làm việc ở nước ngoài. Trong khoảng thời gian này do tính chất công việc nên giữa bà và ông L ít liên lạc để giải quyết mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do không có điều kiện gặp nhau để hàn gắn tình cảm nên tình cảm vợ

chồng không còn, mâu thuẫn không giải quyết được, khả năng đoàn tụ lại không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị được ly hôn với ông Trần Văn L ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà và ông Trần Văn L có 02 con chung là trẻ Trần Vũ Hoàng L1, sinh ngày 20/01/2010, giới tính: Nam và trẻ Trần Vũ Hoàng H, sinh ngày 17/5/2016, giới tính: Nam. Hiện nay, trẻ L1 đang ở cùng với ông Trần Văn L ở nước ngoài; trẻ H đang ở cùng với bà. Sau khi ly hôn, bà là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ Trần Vũ Hoàng H; ông Trần Văn L là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ Trần Vũ Hoàng L1 và không ai cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Vì bản việc, bà Vũ Thị N yêu cầu được vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Theo bản tự khai đã được chứng thực của Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Cộng hòa Liên bang Đức ngày 30/6/2022, bị đơn ông Trần Văn L trình bày: Ông Trần Văn L xác nhận lời trình bày của bà Vũ Thị N về thời điểm kết hôn, về mâu thuẫn chung của vợ chồng là đúng. Nay, bà N yêu cầu được ly hôn, ông Trần Văn L đồng ý.

Về con chung: Ông và bà Vũ Thị N có 02 con chung là trẻ Trần Vũ Hoàng L1, sinh ngày 20/01/2010, giới tính: Nam và trẻ Trần Vũ Hoàng H, sinh ngày 17/5/2016, giới tính: Nam. Hiện nay, trẻ L1 đang ở cùng với ông ở nước ngoài; trẻ H đang ở cùng với bà N tại Việt Nam. Sau khi ly hôn, ông là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ Trần Vũ Hoàng L1; bà N là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ Trần Vũ Hoàng H; và không ai cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Vì bản việc, ông Trần Văn L yêu cầu được vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Vũ Thị N và ông Trần Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã E, huyện I, tỉnh M cấp giấy chứng nhận kết hôn. Căn cứ theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa bà N và ông L là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh; Bị đơn hiện cư trú tại nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ

Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét bản tự khai của ông Trần Văn L đã được chứng thực của Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Cộng hòa Liên bang Đức ngày 30/6/2022 nên được xem là chứng cứ hợp pháp của vụ án theo quy định tại Điều 94 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết, yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được quy định tại Khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của bà Vũ Thị N được ly hôn ông Trần Văn L, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua lời trình bày của bà N và ông L, thì thực tế sau khi kết hôn hai bên phát sinh mâu thuẫn không thể giải quyết được. Từ khi kết hôn cho đến nay, giữa bà N và ông L đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm lối sống và việc nuôi dạy con chung không thể hòa giải, ông Trần Văn L đã sinh sống ở nước ngoài, do xa cách địa lý nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, hai bên chưa có sự gắn kết sâu đậm về tình cảm vợ chồng. Hiện nay bà N và ông L đang sinh sống ở hai nước khác nhau nên khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà N yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn L là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Bà Vũ Thị N và ông Trần Văn L có 02 con chung là trẻ Trần Vũ Hoàng L1, sinh ngày 20/01/2010, giới tính: Nam và trẻ Trần Vũ Hoàng H, sinh ngày 17/5/2016, giới tính: Nam. Bà N và ông L thỏa thuận giao các con chung là trẻ Trần Vũ Hoàng L1, sinh ngày 20/01/2010, giới tính: Nam cho ông L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; trẻ Trần Vũ Hoàng H, sinh ngày 17/5/2016, giới tính: Nam cho bà N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, bà N và ông L không cấp dưỡng.

Xét thấy, sự tự nguyện này của bà N và ông L là phù hợp với quy định pháp luật, không làm thay đổi môi trường sống và ảnh hưởng đến tâm lý của trẻ. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này của bà Vũ Thị N và ông Trần Văn L.

Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nợ chung: Không có.

[4] Án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Vũ Thị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà Vũ Thị N và ông Trần Văn L có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Vũ Thị N.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị N được ly hôn ông Trần Văn L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 08, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã E, huyện I, tỉnh M cấp ngày 21/01/2009 cho bà Vũ Thị N và ông Trần Văn L không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Giao con chung là trẻ Trần Vũ Hoàng L1, sinh ngày 20/01/2010, giới tính: Nam cho ông Trần Văn L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Giao con chung là trẻ Trần Vũ Hoàng H, sinh ngày 17/5/2016, giới tính: Nam cho bà Vũ Thị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Bà N và ông L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu được quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Các đương khai tự thỏa thuận nên Tòa án không giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, bà Vũ Thị N chịu và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2021/0001744 ngày 03/3/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đủ.

3. Bà Vũ Thị N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án. Ông Trần Văn L được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Bích Duyên